

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Vision
■ ZIRKON

Giới thiệu

Những nỗ lực cải tiến tạo ra những vật liệu mới! Với đặc tính độ bền cao và sườn mỏng, phục hình sứ Zirconia ngày càng trở nên phổ biến. Vật liệu sứ phủ Vision Zirkon của hãng Wohlgut mang đến 1 chuẩn mực mới về sự chính xác của màu sắc. Sứ phủ Vision Zirkon có độ giãn nở nhiệt tiêu chuẩn, liên kết rất tốt với tất cả các loại sườn làm bằng vật liệu Zirconia. Điều này đảm bảo phục hình không bị nứt vỡ, mẻ hoặc bong sứ.

Với hệ thống vật liệu sứ mới, chúng tôi một lần nữa kết hợp giữa yếu tố thẩm mỹ với chất lượng ổn định và tính tiện dụng. Cải tiến mới của chúng tôi giúp kỹ thuật viên dễ sử dụng hơn. Tiết kiệm thời gian trong xử lý cầu mão và không cần phải sửa chữa nhiều. Nhờ đó có thể có những sản phẩm đạt chất lượng cao và hiệu quả.

- Màu sắc chính xác
- Thẩm mỹ tự nhiên tối ưu
- Dễ sử dụng
- Dễ thao tác, dễ điều chỉnh
- Độ bền liên kết và độ dán dính tuyệt vời
- Độ giãn nở nhiệt chuẩn xác (CTE) 9,5 $\mu\text{m/mK}$ (25-500°C)



Các đặc tính vật liệu

Chúng tôi cam kết tất cả các loại bột sứ được liệt kê trong danh sách đều đã được kiểm nghiệm và đáp ứng tiêu chuẩn EN ISO 9693:2000 và 6872:1998

Các loại bột sứ	Độ hòa tan	Độ bền uốn	Hệ số nở nhiệt CTE (25/500°C)		T ^o nóng chảy ban đầu ± 10	Phân bố kích thước phân tử	Xác định lượng tinh thể hóa bằng XRD
	Tối đa. 100 µg/cm ² (± 5)	Tối thiểu. 50 MPa	2 Brand Firing	4 Brand Firing			
Liner	16 µg/cm ²	> 70 MPa	9,5 ppm/K	9,5 ppm/K	550 °C	60 µm	amorphous Glass
Dentin Opak - Dentin	16 µg/cm ²	> 70 MPa	9,5 ppm/K	9,5 ppm/K	550 °C	60 µm	amorphous Glass
Incisal Int.Incisal	16 µg/cm ²	> 70 MPa	9,5 ppm/K	9,5 ppm/K	550 °C	60 µm	amorphous Glass
Shoulder	16 µg/cm ²	> 70 MPa	9,5 ppm/K	9,5 ppm/K	580 °C	45 µm	amorphous Glass
Transparent	16 µg/cm ²	> 70 MPa	9,5 ppm/K	9,5 ppm/K	550 °C	60 µm	amorphous Glass
Stain	–	–	9,5 ppm/K	9,5 ppm/K	550 °C	20 µm	amorphous Glass
Glaze	–	–	9,4 ppm/K	9,4 ppm/K	550 °C	20 µm	amorphous Glass

Bảng phối màu & chương trình nung sứ

Bảng phân bổ màu sứ Vision Zirkon

Màu	A1	A2	A3	A3.5	A4	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3	C4	D2	D3	D4
Liner (Ký hiệu L)	L2			L3	L2	L1	L3			L1	L1			L1	L2	L3
Opak Dentin (OD)	OD1/White									OD2/Honey						
Dentin (D)	A1	A2	A3	A3.5	A4	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3	C4	D2	D3	D4
Incisal (S)	S58		S59		S60	S57	S59			S60	S59		S60		S59	
Transpar/Clear	TR Clear															
	TR Neutral				TR Yellow				TR Blue				TR Grey			

Các màu bổ sung & hỗ trợ

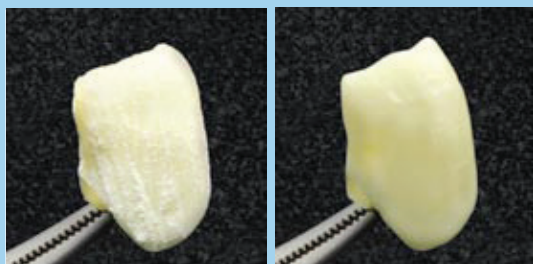
Opal Incisal (OS)	OS Neutral				OS Blue			
Intensive Incisal (IS)	IS White				IS Yellow			
Shoulder materials (Sứ bờ vai)	SM creme		SM yellow			SM redbrown		
Gingival Universal (Sứ nướu)	ZFL pink + soft pink							

Bảng chương trình nung sứ không kim loại Vision Zirkon

	Start temp	Dry time	Heat rate	Final Temp	Hold Time	Vacuum
Liner	450°	4 min.	55°	800°	1 min.	Yes
Shoulder	450°	4 min.	45°	830°	1 min.	Yes
Dentin 1	450°	6 min.	45°	810°	1 min.	Yes
Dentin 2	450°	6 min.	45°	800°	1 min.	Yes
Glaze	480°	2 min.	45°	800°	1 min.	No

Stains

A-B-C-D (Zirkon)								
	glaze	blue	grey	olive	honey	chestnut	redbrown	white



Bảng lựa chọn màu sắc:

Màu Vita	Vision Zirkon
A1	Creame
A2	Creame
A3	Creame+Yellow 70/30
A3,5	Redbrown+yellow 90/10
A4	Redbrown
B1	Creame
B2	Creame+Yellow 90/10
B3	Yellow+Creame 80/20
B4	Yellow+Redbrown 50/50
C1	Creame
C2	Creame+Redbrown 80/20
C3	Redbrown+Creame 80/20
C4	Redbrown
D2	Redbrown+Creame 50/50
D3	Redbrown+Creame 70/30
D4	Redbrown+Creame+Yellow 60/10/30

Quy trình đắp sứ

Để có được phục hình hoàn hảo, việc chuẩn bị sườn cũng đòi hỏi phải chính xác và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

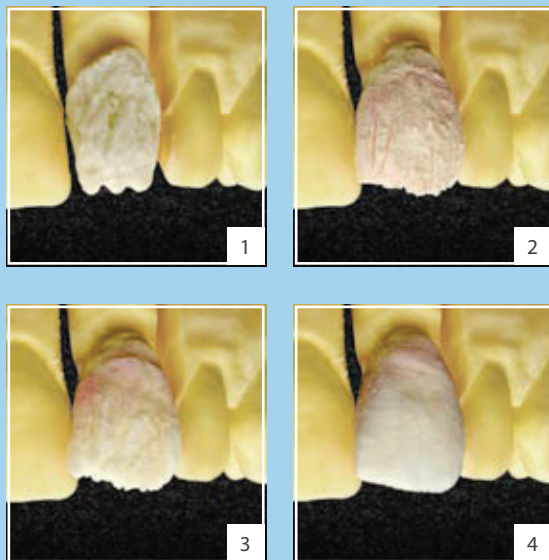
Bước 1: Quét liner/opaque

Sườn sau khi đã sẵn sàng, sẽ được quét 1 lớp liner mỏng theo màu đã chỉ định rồi đem nung trước khi bắt đầu bước 2.

Bước 2: Đắp sứ bờ vai

3 loại bột sứ bờ vai khác nhau giúp bạn có thể tùy ý sử dụng bằng cách:

- Đắp đúng màu sứ bờ vai theo bảng phối màu.
- Pha thêm bột cạnh cắn white để chỉnh độ sáng tối
- Pha với bột transpa clear để giảm sắc độ màu

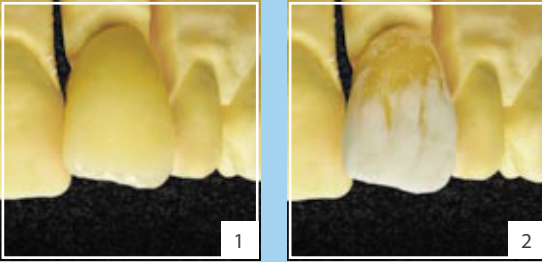


Bước 3: Đắp sứ

1. Trong trường hợp không đủ khoảng đắp sứ, chúng ta nên đắp 1 lớp mỏng Opak Dentin (vùng mặt nhai, cổ răng,...) trước.
2. Sau đó phủ bột dentin lên toàn bộ bên ngoài (theo màu chỉ định).
3. Tỉa sứ cẩn thận từ cạnh cắn và mặt bên. Dùng bột Transpa neutral để tạo đường viền và thùy răng (mamelon) nhẹ nhàng.
4. Đắp thêm sứ cạnh cắn/ men theo màu chỉ định lên toàn bộ vùng diện tích vừa tỉa và đắp theo hình dạng giải phẫu răng.

Lưu ý: Sứ sẽ co sau khi nung 8 - 10 %, cần đắp răng với kích thước lớn hơn một chút.

Đem nung với chương trình Dentin 1.



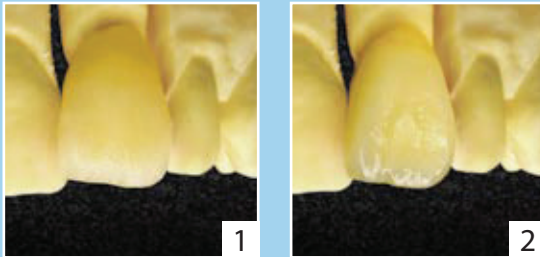
Bước 4: Chỉnh sửa

1. Sau lần nung Dentin 1.

2. Chỉnh sửa form răng với bột Transpa Clear.

Muốn cạnh cắn có hiệu ứng opalescence, chúng ta có thể trộn TR Opal với các loại men trong (men Transpa). Ngay cả với kỹ thuật đắp đơn giản thì mão răng sau khi nung xong vẫn có độ chuyển đổi và phản chiếu ánh sáng tự nhiên.

Tiếp tục với nung Dentin 2.



Bước 5: Hoàn tất phục hình

1. Sau khi đã chỉnh sửa xong khớp cắn và điểm tiếp xúc, bạn có thể làm bóng theo 2 cách:
2. Nướng bóng không cần bột bóng và dùng dụng cụ đánh bóng chuyên dụng (bánh xe cao su đánh bóng đặc biệt, bột đánh bóng...). Phương pháp này được áp dụng tùy từng thói quen và sở thích của mỗi thị trường riêng biệt.
3. Nướng bóng với bột bóng. Trộn bột với nước pha bột bóng và quét 1 lớp mỏng lên phục hình.
4. Nếu cần chỉnh sửa màu sắc, sử dụng các loại bột stain của Vision Zirkon.

Thông số cài đặt lò nung.

Thông số nhiệt độ có thể thay đổi tùy thuộc vào tình trạng lò sứ.

	Nhiệt độ ban đầu	Thời gian làm khô	Tỷ lệ tăng nhiệt độ (Heat rate)	Nhiệt độ sau cùng	Thời gian giữ (Hold time)	Vacuum
Liner	450°C 842°F	4 min.	55°C/min. 131°F/min.	800°C 1472°F	1 min.	yes
Sứ bờ vai	450°C 842°F	4 min.	45°C/min. 113°F/min.	830°C 1526°F	1 min.	yes
Dentin 1	450°C 842°F	6 min.	45°C/min. 113°F/min.	810°C 1490°F	1 min.	yes
Dentin 2	450°C 842°F	6 min.	45°C/min. 113°F/min.	800°C 1472°F	1 min.	yes
Nướng bóng với bột bóng	480°C 896°F	2 min.	45°C/min. 113°F/min.	800°C 1472°F	1 min.	yes
Stain	450°C 842°F	4 min.	45°C/min. 113°F/min.	810°C 1490°F	1 min.	–
Nướng bóng lần 2	450°C 842°F	4 min.	45°C/min. 113°F/min.	800°C 1472°F	1 min.	–

Bảng phối màu

Màu Vita	Stain màu	Màu sứ đắp	Stain	Màu Vita	Staining	Màu sứ đắp	Stain
A1	TA1	A1	–	C1	TC1	C1	–
A2	TA2	A2	–	C2	TC2	C2	–
A3	TA3	A3	–	C3	TC2	C2	C
A3,5	TA3	A3	A	C4	TC2	C2	–
A4	TA3	A3	A	D2	TD2	D2	–
B1	TB1	B1	–	D3	TD2	D2	D
B2	TB2	B2	–	D4	TD4	D2	D
B3	TB3	B3	–				
B4	TB3	B3	B	Bleach	–	Bleach	–



CÔNG TY TNHH NHA KHOA THÁI BÌNH DƯƠNG

Văn phòng tại TP. HCM

Địa chỉ: 22 - 24 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 39112 170 - Fax: (08) 39112 171

Văn phòng tại TP. Hà Nội

Địa chỉ: Số 14 Lô M1 - Khu ĐTM Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3773 3138 - Fax: (04) 6282 2441

Website: nhakhoathaibinhduong.com



WOHLWEND AG

Wohlwend AG Dental Manufaktur

Platta 52

FL-9488 Schellenberg

Phone: +423-373-4243

Fax: +423-373-4244

www.wohlwend-ag.com

info@wohlwend-ag.com

Vision